TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **147**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2024.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hội.

2. Bà Lò Thị Minh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hà Thị Nga, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 06 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngần Thị X, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Bản Bó Hiềng, xã Hua Păng, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Bị đơn: Anh Vì Văn Đ, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Bản Bó Hiềng, xã Hua Păng, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 01/4/2024, bản tự khai tại Toà án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngần Thị X trình bày:

Chị X và anh Đ kết hôn với nhau vào ngày 17/10/2016. Khi kết hôn đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Suối Bàng, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng với mẹ anh Đ.

Cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 2 năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, hiện nay chị và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 2/2023, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của chị X xin được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Vì Duy K, sinh ngày 12/10/2014. Sau khi ly hôn chị X giao cháu K cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến cho cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi, chị X có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con cùng cùng anh Đ là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ tháng.

- Về tài sản chung: Không có gì.

- Về vay nợ chung: Không vay nợ ai.

Về án phí: Chị X xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc chấp hành nguyên tắc xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đúng các nguyên tắc xét xử quy định tại các Điều 11, 12, 15, 17, 24, 25 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thành phần hội đồng xét xử: Đúng quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự, đúng như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Trình tự, thủ tục tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 239, 243, 247, 249, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ngần Thị X. Xử cho chị Ngần Thị X được ly hôn với anh Vì Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Vì Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Vì Duy K, sinh ngày 12/10/2014 đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Ngần Thị X có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con cùng anh Đ là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

3.Về án phí: Chị Ngần Thị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vì Văn Đ không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Nguyên đơn chị X đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan để giải quyết vụ án.

Xác minh với Trưởng bản Bó Hiềng, xã Hua Păng và mẹ đẻ anh Đ được biết.

Đối với thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã được Ban quản lý bản đã giao mẹ anh Đ nhận đúng thời gian quy định.

Xác minh với mẹ đẻ anh Đ được biết.

Sau khi anh Đ và chị X kết hôn với nhau, chị X về sống chung với bà. Cuộc sống chung của anh Đ và chị X hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, từ đó chị X đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Không còn đi lại với anh Đ nữa.

Đối với thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bà đã giao cho anh Đ đúng thời gian quy định. Còn việc anh Đ không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc thì bà không biết.

Về tài sản chung: Không có.

Về vay nợ chung: Đến thời điểm hiện tại không thấy ai đến đòi nợ anh Đ và chị X.

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định anh Vì Văn Đ đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng cố tình không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tổ tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh Đ kết hôn với nhau từ ngày 17/10/2016, có được tìm hiểu việc kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Suối Bàng, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Việc kết hôn của hai anh chị đã tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị X về ở nhà bố mẹ đẻ anh Đ, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 02 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau do không cải thiện được quan hệ gia đình nên chị X đã về chung sống với bố mẹ đẻ chị, hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2023, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa.

Mặc dù anh Đ cố ý né tránh không chịu hợp tác làm việc cùng Tòa án để giải quyết việc xin ly hôn của chị X, nhưng qua xác minh xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị X và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ngần Thị X và xử cho chị Ngần Thị X được ly hôn với anh Vì Văn Đ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống hai anh chị có với nhau 01 con chung là cháu Vì Duy K, sinh ngày 12/10/2014. Sau khi ly hôn chị X giao cháu K cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến cho cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi, chị X có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con cùng cùng anh Đ là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ tháng.

Tòa án đã ghi ý kiến của cháu Vì Duy K để xem nguyện vọng của cháu ở với bố hay mẹ sau khi mẹ và bố ly hôn, nguyện vọng của cháu được ở với anh Đ.

Do đó giao cháu Vì Duy K, sinh ngày 12/10/2014 cho anh Vì Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Vì Duy K đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Ngần Thị X có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con cùng anh Đ là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung:

Chị Ngần Thị X xác định chị và anh Vì Văn Đ không có tài sản chung và vay nợ chung, do đó Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Ngần Thị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Ngần Thị X được ly hôn với anh Vì Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Vì Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Vì Duy K, sinh ngày 12/10/2014 đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Ngần Thị X có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi cháu Vì Duy K cùng anh Vì Văn Đ là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, thi hành kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật là ngày 19/8/2024.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Ngần Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001406 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Chị Ngần Thị X còn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Số tiền được nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- V KS nhân dân huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND xã Suối Bàng, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh